

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2022

THÔNG CÁO BÁO CHÍ VỀ TÌNH HÌNH GIÁ
THÁNG CHÍN, QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2022

Kể từ khi dịch Covid-19 bùng phát đến nay, thế giới phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, các yếu tố rủi ro, bất định gia tăng cùng với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường tài chính quốc tế tạo ra nhiều khó khăn cho công tác điều hành chính sách. Mặc dù dịch Covid-19 đã được kiểm soát nhưng vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Thêm vào đó, xung đột Nga - Ucraina làm cho giá năng lượng, giá dầu và giá hàng hóa thế giới tăng cao. Chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng tiếp tục bị đứt gãy sau hai năm bị ảnh hưởng trầm trọng bởi dịch Covid-19. Nhiều nền kinh tế điều chỉnh chính sách tài khóa, tiền tệ theo hướng thắt chặt để kiềm chế lạm phát đã ảnh hưởng tới khả năng phục hồi tăng trưởng, thậm chí một số nền kinh tế lớn có dấu hiệu suy thoái. Thiên tai, lũ lụt, hạn hán, biến đổi khí hậu tiếp tục diễn biến phức tạp; bất ổn nghiêm trọng về an ninh năng lượng đã xuất hiện ở nhiều quốc gia trên thế giới...

Trong bối cảnh đó, tình hình lạm phát thế giới tiếp tục tăng cao, đặc biệt tại khu vực châu Âu và Mỹ. Trong tháng 8/2022, lạm phát của khu vực đồng Euro tăng lên mức cao kỷ lục 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát tháng 8/2022 của Mỹ tăng 8,3%, tuy thấp hơn mức tăng 8,5% của tháng trước nhưng cao hơn kỳ vọng làm FED tiếp tục tăng lãi suất lần thứ 5 vào ngày 21/9/2022 để thắt chặt chính sách tiền tệ. Tại châu Á, lạm phát tháng 8/2022 của Thái Lan tăng 7,9%; Hàn Quốc tăng 5,7%; In-đô-nê-xi-a tăng 4,7%; Nhật Bản tăng 3%; Trung Quốc tăng 2,5%. Việt Nam tiếp tục thuộc nhóm các nước có mức tăng lạm phát thấp so với mặt bằng chung khi CPI tháng 9/2022 tăng 3,94% so với cùng kỳ năm trước.

Trong nước, kinh tế phục hồi mạnh, nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu cùng với tác động của giá hàng hóa thế giới đã đẩy giá hàng hóa và dịch vụ thiết yếu tăng nhưng nhìn chung mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm nay tăng 2,73% so với cùng kỳ năm trước. Để chủ động ứng phó với áp lực lạm phát gia tăng, trong thời gian qua Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương ban hành kịp thời nhiều chính sách, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội. Các chính sách phù hợp cùng với sự quyết liệt, sát sao trong chỉ đạo, điều hành đã giúp giảm áp lực đáng kể lên mặt bằng giá, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của nhân dân. Một số chính sách rất hiệu quả như: Giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/02/2022; giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022; giảm mức thu 37 khoản phí,

lệ phí trong 6 tháng đầu năm 2022; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu; thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động; quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động...

Đến nay, mặt bằng giá trong nước cơ bản được kiểm soát, tuy nhiên áp lực lạm phát trong những tháng còn lại của năm vẫn hiện hữu. Diễn biến giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu trên thế giới đang có xu hướng giảm do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, nhưng rủi ro tăng trở lại khá cao do xung đột giữa Nga - Ucraina chưa chấm dứt. Bên cạnh đó, sự phục hồi kinh tế Trung Quốc có thể kéo nhu cầu năng lượng gia tăng. Kinh tế Việt Nam có khả năng phục hồi mạnh hơn trong các tháng còn lại của năm do tác động của các gói hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng cùng với nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tăng sẽ đẩy giá cả hàng hóa lên cao. Chính vì vậy, công tác quản lý, điều hành giá trong thời gian tới cần tiếp tục thực hiện thận trọng, chủ động và linh hoạt để bảo đảm kiểm soát tốc độ tăng giá tiêu dùng năm 2022, đồng thời tạo cơ sở cho việc kiểm soát lạm phát trong năm 2023.

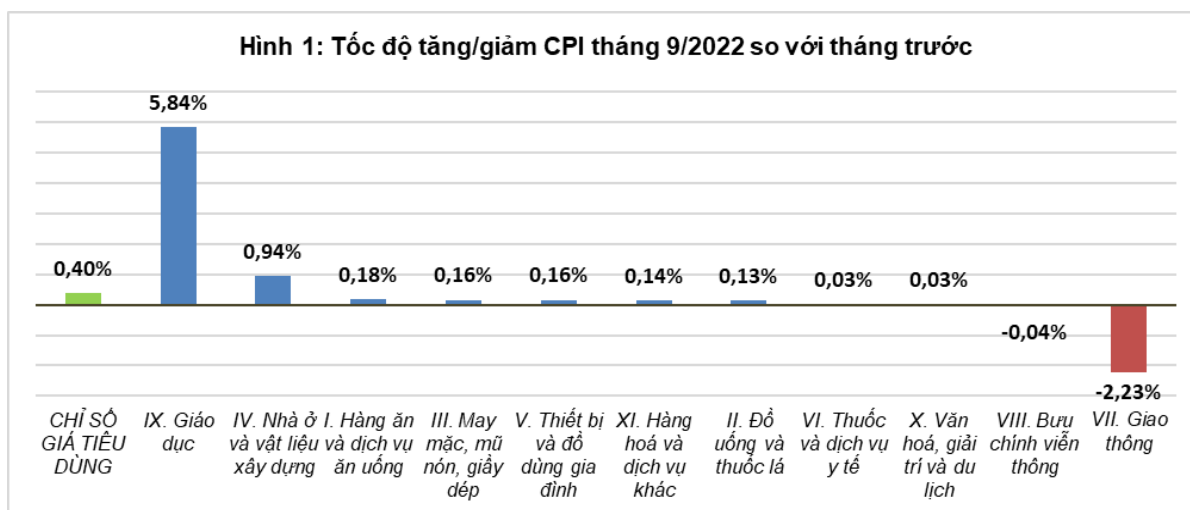
PHẦN I: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng theo giá nguyên liệu đầu vào; một số địa phương tăng học phí năm học mới 2022-2023 là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2022 tăng 0,4% so với tháng trước. So với tháng 12/2021, CPI tháng Chín tăng 4,01% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,94%.

CPI bình quân quý III/2022 tăng 3,32% so với quý III/2021. Bình quân 9 tháng năm nay, CPI tăng 2,73% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 1,88%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 9/2022

So với tháng trước, CPI tháng 9/2022 tăng 0,4% (khu vực thành thị tăng 0,55%; khu vực nông thôn tăng 0,23%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 9 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước; 2 nhóm giảm giá, trong đó nhóm giao thông giảm 2,23% do giá xăng liên tục giảm ở các kỳ điều chỉnh trong tháng và nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,04%.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 9/2022 so với tháng trước của một số nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,18%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 9/2022 tăng 0,18% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm, trong đó lương thực giảm nhẹ 0,08%, tác động giảm 0,003 điểm phần trăm; thực phẩm tăng 0,16%, tác động tăng 0,03 điểm phần trăm; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,32%, tác động tăng 0,03 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (-0,08%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 9/2022 giảm 0,08% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo giảm 0,24% (Gạo tẻ thường giảm 0,29%; gạo tẻ ngon giảm 0,08% và gạo nếp giảm 0,12%). Giá gạo tháng 9 giảm nhẹ so với tháng trước do nguồn cung gạo trong nước được bảo đảm.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 12.500-15.000 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 18.000-21.000 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 19.000-21.000 đồng/kg; giá gạo nếp từ 25.000-35.000 đồng/kg.

Giá nguyên liệu đầu vào tăng tác động đến giá các mặt hàng lương thực chế biến khác như giá bánh mì tăng 0,66%; bột ngô tăng 0,4%; miến tăng 0,29%; mì sợi, mì, phở, cháo ăn liền tăng 0,28%; ngũ cốc ăn liền tăng 0,13%.

1.2. Thực phẩm (+0,16%)

Giá thực phẩm tháng 9/2022 tăng 0,16% so với tháng trước, nguyên nhân chủ yếu tập trung ở một số mặt hàng sau:

- Giá thức ăn chăn nuôi ở mức cao, cùng với nhu cầu tiêu dùng tăng làm cho giá thịt gia cầm tăng 0,04% so với tháng trước, trong đó giá thịt gà tăng 0,07%; thịt gia cầm đông lạnh tăng 0,7%. Bên cạnh đó, giá trứng các loại tăng 0,4% so với tháng trước do nhu cầu nguyên liệu làm bánh tăng vào dịp Rằm Trung thu.

- Giá thủy hải sản tươi sống tăng 0,17% so với tháng trước do sản lượng khai thác giảm vì ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới nên ngư dân hạn chế ra khơi, trong đó giá cá tăng 0,14%; tôm tăng 0,24%. Theo đó, giá thủy sản chế biến tháng Chín tăng 0,19% so với tháng Tám.

- Giá rau tươi, khô và chế biến tăng 1,08% so với tháng trước, chủ yếu do thời tiết mưa, nắng thất thường ảnh hưởng đến canh tác rau. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng rau xanh, củ, quả tăng lên dẫn đến giá tăng. Trong đó, giá cà chua tháng 9/2022 tăng 5,37% so với tháng trước; su hào tăng 2,35%; rau dạm quả, củ tăng 1,65%; khoai tây tăng 0,68%; rau gia vị tăng 1,19%.

- Giá nước mắm, nước chấm tăng 0,27% so với tháng trước; sữa, bơ, pho mát tăng 0,24%; đường, mật tăng 0,26%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,31%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,09% do giá nguyên vật liệu tăng.

- Ở chiều ngược lại, giá thịt lợn giảm 0,52% so với tháng trước, làm CPI giảm 0,02 điểm phần trăm. Giá thịt lợn tháng 9/2022 giảm do dịch tả lợn châu Phi được kiểm soát tốt, nguồn cung được đảm bảo, việc tái đàn diễn ra thuận lợi, thêm vào đó nguồn cung thịt lợn đông lạnh nhập khẩu lớn với mức giá thấp. Tính đến ngày 25/9/2022, giá thịt lợn hơi cả nước dao động khoảng 56.000-63.000 đồng/kg.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,32%)

Giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tháng 9/2022 tăng 0,32% so với tháng trước do giá nguyên liệu chế biến cao và nhu cầu du lịch trong tháng tăng cao vào dịp Lễ Quốc khánh 02/9. Trong đó, chỉ số giá ăn ngoài gia đình tăng 0,15% so với tháng trước; uống ngoài gia đình tăng 0,27% và đồ ăn nhanh mang đi tăng 1,35%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,13%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 9/2022 tăng 0,13% so với tháng trước do giá nguyên liệu sản xuất đồ uống, thuốc lá tăng. Cụ thể, giá nước quả ép tăng 0,27%; nước uống tăng lực đóng chai tăng 0,16%; rượu bia tăng 0,16% và thuốc hút tăng 0,12%.

3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,16%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 9/2022 tăng 0,16% so với tháng trước do giá nguyên phụ liệu sản xuất, chi phí nhân công và nhu cầu mua sắm chuẩn bị bước vào năm học mới tăng. Trong đó, giá vải tăng 0,18%; quần áo may sẵn tăng 0,16%; mũ nón tăng 0,17%; giày dép tăng 0,14%; dịch vụ may mặc tăng 0,15%; dịch vụ sửa chữa giày dép tăng 0,18%.

4. Nhà ở và vật liệu xây dựng (+0,94%)

Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 9/2022 tăng 0,94% so với tháng trước do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Giá thuê nhà tăng 8,16% so với tháng trước do nhu cầu thuê nhà tăng cao vào dịp đầu năm học mới.

- Giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,33% do công sơn tường, lát gạch, xây tường, công lao động phổ thông tăng và nhu cầu xây dựng cao.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,07% do giá xi măng, gạch xây, gạch bê tông, tấm lợp, sơn tường tăng theo giá nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất.

- Giá dầu hỏa tăng 0,06% so với tháng trước do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá ngày 05/9/2022, 12/9/2022 và 21/9/2022.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng trong tháng có giá giảm so với tháng trước:

- Giá điện sinh hoạt tháng Chín giảm 0,42% so với tháng trước¹ do thời tiết chuyển sang mát mẻ.

- Giá gas giảm 1,72% so với tháng trước do từ ngày 01/9/2022, giá gas trong nước điều chỉnh giảm 7.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới giảm 25 USD/tấn (từ mức 665 USD/tấn xuống mức 640 USD/tấn).

¹ Chỉ số giá điện sinh hoạt tháng 9/2022 được tính dựa trên doanh thu và sản lượng điện tiêu dùng từ ngày 01-31/8/2022, do đó phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,16%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng Chín tăng 0,16% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở các mặt hàng như: Giá giường, tủ, bàn ghế tăng 0,2%; máy xay sinh tố, ép hoa quả tăng 1,18%; ổ áp điện tăng 0,18%; nồi cơm điện tăng 0,36%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,23%; tủ lạnh tăng 0,15%... Ở chiều ngược lại, giá lò vi sóng, lò nướng, bếp từ giảm 0,64% so với tháng trước.

6. Giao thông (-2,23%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 9/2022 giảm 2,23% so với tháng trước làm CPI chung giảm 0,22 điểm phần trăm, chủ yếu do:

- Ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước vào ngày 05/9/2022, 12/9/2022 và 21/9/2022 làm cho giá xăng dầu tháng Chín giảm 5,92% so với tháng trước, trong đó giá xăng giảm 6%; giá dầu diesel tăng 1,35%.

- Giá dịch vụ giao thông công cộng giảm 0,44% so với tháng trước, trong đó giá vận tải hành khách bằng đường hàng không giảm 0,34%; đường bộ giảm 0,24%; taxi giảm 1,54%; đường sắt giảm 0,55%.

- Ở chiều ngược lại, giá xe ô tô mới tiếp tục tăng 0,17% so với tháng trước do thiếu nguồn cung linh kiện, phụ tùng.

7. Giáo dục (+5,84%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 9/2022 tăng 5,84% so với tháng trước, trong đó dịch vụ giáo dục tăng 6,48%² do thời gian miễn, giảm học phí trong đại dịch tại nhiều địa phương đã kết thúc, đồng thời một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tăng học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về việc quy định mức thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2022-2023 trở đi tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn. Ngoài ra, một số cơ sở giáo dục ngoài công lập phải tự chủ về kinh phí điều chỉnh mức tăng học phí phù hợp với quy định. Bên cạnh đó, vào năm học mới nên nhu cầu mua sắm sách vở và các dụng cụ học tập tăng. Giá sách giáo khoa tăng 1,41%; giá vở, giấy viết các loại tăng 0,92%; bút viết các loại tăng 0,9% so với tháng trước.

8. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,03%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng Chín tăng 0,03% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở các nhóm: Giá dịch vụ du lịch trong nước tăng 0,3%; thiết bị dụng cụ thể thao tăng 0,12%, vé xem phim, ca nhạc tăng 0,28%. Ở chiều ngược lại, giá dịch vụ du lịch nước ngoài giảm 0,51% so với tháng trước; hoa, cây cảnh, vật cảnh giảm 0,4%; ti vi màu, đầu DVD lần lượt giảm 0,26% và giảm 0,2%.

² Tốc độ tăng chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục tháng 9/2022 so với tháng trước của một số địa phương: Điện Biên tăng 112,07%; Thái Nguyên tăng 85,31%; Yên Bái tăng 68,72%; Vĩnh Phúc tăng 60,91%; Sơn La tăng 55,43%; Tuyên Quang tăng 54,20%; Bắc Giang tăng 44,27%; Cao Bằng tăng 40,42%; Hòa Bình tăng 33,25%; Lào Cai tăng 30,04%; Lạng Sơn tăng 15,69%; Quảng Ninh tăng 15,59%; Kiên Giang tăng 13,02%; Đà Nẵng tăng 12,17%; Nghệ An tăng 11,29%; Hà Nội tăng 10,53%; Kom Tum tăng 9,78%...

9. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,14%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 9/2022 tăng 0,14% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở giá dịch vụ chăm sóc người già tại nhà dưỡng lão tăng 2,19%; mặt hàng chăm sóc cơ thể như kem dưỡng da, son môi và nước hoa tăng 0,23%; vật dụng về hỷ, vật dụng tang lễ, thờ cúng tăng lần lượt 0,68%, 0,19%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 0,25%.

10. Chỉ số giá vàng (-1,71%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/9/2022, bình quân giá vàng thế giới ở mức 1.702,79 USD/ounce, giảm 4,74% so với tháng 8/2022 khi Mỹ thắt chặt chính sách tiền tệ.

Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 9/2022 giảm 1,71% so với tháng trước; tăng 1,34% so với tháng 12/2021; tăng 4,06% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng năm 2022 tăng 6,22%.

11. Chỉ số giá đô la Mỹ (+0,53%)

Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới tăng trong tháng 9/2022 là do Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) tăng lãi suất. Ngày 21/9/2022, FED thông báo tăng lãi suất cơ bản thêm 0,75 điểm phần trăm, lên biên độ 3% - 3,25%. Đây là lần tăng lãi suất thứ 5 trong năm nay và là lần thứ 3 liên tiếp Fed tăng lãi suất 0,75 điểm phần trăm. Tính đến ngày 25/9/2022, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 109,7 điểm, tăng 2,8 điểm so với tháng trước. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 23.530 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9/2022 tăng 0,53% so với tháng trước; tăng 2,87% so với tháng 12/2021 và tăng 3,45% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng năm 2022 tăng 0,7%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 9 từ năm 2018 đến năm 2022

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
CPI tháng 9 so với tháng trước	0,59	0,32	0,12	-0,62	0,40
CPI tháng 9 so với cùng kỳ năm trước	3,98	1,98	2,98	2,06	3,94
CPI tháng 9 so với tháng 12 năm trước	3,20	2,20	0,01	1,88	4,01
CPI bình quân 9 tháng so với cùng kỳ năm trước	3,57	2,50	3,85	1,82	2,73

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 9/2022 tăng 3,94%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá. Riêng nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,15% do giá phụ kiện điện thoại thông minh giảm.

Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm giáo dục tháng 9/2022 tăng cao nhất với 8,37% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,52 điểm phần trăm do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tăng học phí năm học mới 2022-2023.

- Nhóm giao thông tháng 9/2022 tăng 6,68% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,65 điểm phần trăm, trong đó giá xăng dầu tăng 11,18% do giá xăng A95 tăng 640 đồng/lít; xăng E5 tăng 1.070 đồng/lít và dầu diesel tăng 5.950 đồng/lít.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 4,82% do dịch Covid-19 được kiểm soát, giá tour và khách sạn, nhà hàng tăng khi nhu cầu du lịch trong nước tăng.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 4,43% do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở và nhà ở thuê tăng.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,65%, chủ yếu do dịch Covid-19 được kiểm soát, giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 6,56%; lương thực tăng 2,1% và thực phẩm tăng 2,77%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,44%, chủ yếu do giá nguyên liệu sản xuất đồ uống và chi phí vận chuyển tăng.

- Bên cạnh đó, nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng Chín tăng 2,99% so với cùng kỳ năm trước; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,54%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,19%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,47%.

So với tháng 12/2021, CPI tháng Chín tăng 4,01%, trong đó có 10 nhóm hàng tăng giá, riêng nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,12%.

Trong các nhóm tăng giá:

- Nhóm giáo dục tháng 9/2022 tăng cao nhất với 9,57% so với tháng 12/2021, làm CPI chung tăng 0,59 điểm phần trăm do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tăng học phí năm học mới 2022-2023.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,99%, chủ yếu do dịch Covid-19 được kiểm soát, giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 5,96%; lương thực tăng 1,68% và thực phẩm tăng 5,18%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 4,65% do nhu cầu du lịch tăng cao sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 4,69% chủ yếu do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở và nhà ở thuê tăng.

- Nhóm giao thông tăng 2,69%, trong đó giá xăng dầu tăng 1,07% do từ đầu năm đến nay, giá xăng dầu trong nước đã điều chỉnh 25 đợt làm cho giá dầu diesel tăng 4.960 đồng/lít.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG QUÝ III NĂM 2022

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý III năm 2022 tăng 3,32% so với cùng kỳ năm 2021.

Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong quý III năm 2022

- Giá xăng dầu trong nước bình quân quý III/2022 tăng 21,77% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,78 điểm phần trăm; giá dầu hỏa tăng 63,59% so với cùng kỳ năm 2021.

- Giá các mặt hàng thực phẩm quý III/2022 tăng 2,33% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI tăng 0,5 điểm phần trăm, trong đó giá thịt gà, hải sản tươi sống và dầu ăn lần lượt tăng 5,6%; 3,4% và 21,16%.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở quý III/2022 tăng 7,75% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tuy đang có xu hướng giảm nhưng so với cùng năm trước vẫn tăng theo giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm.

- Giá dịch vụ giáo dục quý III/2022 tăng 1,57% so với cùng kỳ năm trước do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tăng học phí năm học mới 2022-2023, tác động làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm.

- Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới, giá gas quý III/2022 tăng 5,61% so với cùng kỳ năm trước làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm.

- Giá nhóm lương thực quý III/2022 tăng 2,41% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá gạo tăng 1,26% làm CPI chung tăng 0,03 điểm phần trăm.

- Dịch Covid-19 được kiểm soát, nhu cầu du lịch tăng cao, giá vé máy bay quý III/2022 tăng 68,02% so với cùng kỳ năm trước; du lịch trọn gói tăng 14,38%; khách sạn, nhà khách tăng 3,6%.

III. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 9 THÁNG NĂM 2022

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm 2022 tăng 2,73% so với cùng kỳ năm 2021.

1. Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong 9 tháng năm 2022

- Trong 9 tháng năm nay, giá xăng dầu được điều chỉnh 25 đợt, trong đó có 11 đợt giảm giá, làm cho giá xăng A95 giảm 710 đồng/lít; xăng E5 giảm 770 đồng/lít và dầu diezen tăng 4.960 đồng/lít. Bình quân 9 tháng, giá xăng dầu trong nước tăng 41,07% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,48 điểm phần trăm.

- Dịch Covid-19 đã được kiểm soát, nhu cầu ăn ngoài nhà hàng tăng nên giá ăn uống ngoài gia đình bình quân 9 tháng tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,38 điểm phần trăm.

- Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới, giá gas 9 tháng năm nay tăng 18,75% so với cùng kỳ năm trước, góp phần làm CPI chung tăng 0,27 điểm phần trăm.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở 9 tháng tăng 7,88% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, tác động làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm.

- Giá các mặt hàng thực phẩm 9 tháng năm 2022 tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI tăng 0,11 điểm phần trăm.

- Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu làm cho giá gạo 9 tháng năm 2022 tăng 1,14% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,03 điểm phần trăm.

2. Một số nguyên nhân làm giảm CPI trong 9 tháng năm 2022

- Giá dịch vụ giáo dục giảm 1,88% do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương miễn giảm học phí trong năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, làm CPI chung giảm 0,1 điểm phần trăm.

- Giá bưu chính viễn thông giảm 0,42% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại di động giảm.

- Để chủ động ứng phó với những thách thức trước áp lực lạm phát gia tăng, trong thời gian qua Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp bình ổn giá, hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội.

IV. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản³ tháng 9/2022 tăng 0,47% so với tháng trước, tăng 3,82% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 1,88% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 2,73%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực và giá xăng, dầu.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng 9 và 9 tháng năm 2018 - 2022

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Lạm phát cơ bản tháng 9 so với tháng trước	0,14	0,16	-0,02	-0,26	0,47
Lạm phát cơ bản tháng 9 so với cùng kỳ năm trước	1,61	1,96	1,97	0,74	3,82
Lạm phát cơ bản 9 tháng so với cùng kỳ năm trước	1,41	1,91	2,59	0,88	1,88

³ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

PHẦN II: CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT, CHỈ SỐ GIÁ NGUYÊN NHIÊN VẬT LIỆU DÙNG CHO SẢN XUẤT, CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2022

Trong 9 tháng năm 2022, thị trường hàng hóa thế giới phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, các yếu tố rủi ro, bất định gia tăng cùng với tốc độ thay đổi chính sách rất nhanh của các nền kinh tế lớn. Chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng tiếp tục bị đứt gãy, căng thẳng năng lượng làm lạm phát tại nhiều nước tăng cao. Trong nước, kinh tế phục hồi nhanh ở hầu hết các ngành, lĩnh vực, nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu tăng cao, cùng với tác động của giá nguyên, nhiên vật liệu trên thị trường thế giới đã đẩy giá sản xuất hàng hóa và dịch vụ trong nước tăng. Chỉ số giá sản xuất, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất, chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu quý III và 9 tháng năm 2022 đều tăng so với cùng kỳ năm 2021. Trước tình hình đó, Chính phủ chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp bình ổn giá, kiềm chế lạm phát, hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội.

I. CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản quý III/2022 tăng 1,83% so với quý II/2022 và tăng 6,49% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,05% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 1,58%; lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 3,21%; thủy sản khai thác, nuôi trồng tăng 7,68%.

1. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan quý III/2022 tăng 2% so với quý trước và tăng 4,99% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, chỉ số giá sản phẩm từ cây hàng năm tăng 1,32% và tăng 4,98%; sản phẩm từ cây lâu năm tăng 0,64% và tăng 10,53%; sản phẩm từ chăn nuôi tăng 4,3% và tăng 0,7%; dịch vụ nông nghiệp tăng 2,27% và tăng 5,11%; sản phẩm từ săn bắt, đánh bắt và dịch vụ có liên quan giảm 1,14% và tăng 6,05%.

Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 1,58% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

Chỉ số giá sản phẩm từ cây hàng năm, 9 tháng năm 2022 tăng 3,52% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá thóc khô giảm 1,25%; giá nhóm sản phẩm ngô và cây lương thực có hạt khác tăng 8,41% do nhu cầu sử dụng làm thức ăn chăn nuôi trong và ngoài nước đều tăng cao trong khi nguồn cung nguyên liệu trên thế giới giảm do thời tiết bất lợi.

Chỉ số giá sản phẩm từ cây lâu năm, 9 tháng tăng 9,51% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá cà phê nhân tăng 23,69% do chi phí đầu vào sản xuất tăng cao và giá cà phê trên thị trường quốc tế tăng mạnh. Giá sản phẩm mủ cao su khô tăng 2,78% theo giá thế giới do nhu cầu nhập khẩu cao su làm nguyên liệu đầu vào tại các thị trường lớn như châu Âu, Ấn Độ, Trung Quốc tăng cao.

Ở chiều ngược lại, trong 9 tháng năm 2022 giá một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước như giá sản phẩm quả chứa dầu giảm 19,38%; giá sản phẩm cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm giảm 1,3% do dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát nên nhu cầu sử dụng các sản phẩm này giảm.

Chỉ số giá sản phẩm từ chăn nuôi, 9 tháng năm 2022 giảm 7,64% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá sản phẩm chăn nuôi lợn và giống lợn giảm 20,73%, chủ yếu do dịch tả lợn châu Phi được kiểm soát tốt nên nguồn cung dồi dào⁴ trong khi nhu cầu tiêu dùng trong nước tương đối ổn định. Giá sản phẩm chăn nuôi gia cầm 9 tháng năm 2022 tăng 6,01% so với cùng kỳ năm 2021 do giá thức ăn chăn nuôi, dịch vụ an toàn sinh học tăng, cùng với đó nhu cầu tiêu thụ gia cầm tăng trở lại khi dịch Covid-19 được kiểm soát.

2. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan quý III/2022 tăng 3,34% so với quý trước và tăng 5,83% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá sản phẩm trồng rừng, chăm sóc rừng và cây giống lâm nghiệp tăng 0,64% và tăng 1,64%; gỗ khai thác tăng 5,6% và tăng 10,32%; lâm sản khai thác, thu nhặt khác trừ gỗ tăng 0,38% và giảm 0,18%; dịch vụ lâm nghiệp tăng 0,36% và tăng 0,33%.

Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 3,21% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm trồng rừng, chăm sóc rừng và cây giống lâm nghiệp tăng 1,28%; gỗ khai thác tăng 6,28% chủ yếu do chi phí đầu vào như giá xăng, dầu phục vụ khai thác gỗ và chi phí nhân công tăng; nhu cầu nhập khẩu gỗ các nước tăng cao khiến trong nước đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu; lâm sản khai thác, thu nhặt khác trừ gỗ giảm 1,04%; dịch vụ lâm nghiệp tăng 1,75%.

3. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản khai thác, nuôi trồng

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản khai thác, nuôi trồng quý III/2022 tăng 1,15% so với quý trước và tăng 11,22% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá nhóm sản phẩm thủy sản khai thác tăng 1,54% và tăng 8,08%; nhóm thủy sản nuôi trồng tăng 0,9% và tăng 13,29%. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản tăng 7,68% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá nhóm sản phẩm thủy sản khai thác tăng 4,77% chủ yếu do chi phí nguyên liệu đầu khai thác biển tăng cao, thời tiết bất lợi ảnh hưởng hoạt động khai thác thủy sản; giá nhóm thủy sản nuôi trồng tăng 9,62%.

⁴ Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 9 tháng năm 2022 ước tính đạt 3232,6 nghìn tấn, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước.

II. CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý III/2022 tăng 0,65% so với quý trước và tăng 4,62% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp tăng 4,71% so với cùng kỳ năm trước. Biến động giá sản xuất 4 nhóm sản phẩm công nghiệp như sau:

1. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng quý III/2022 tăng 0,9% so với quý trước và tăng 24,18% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 23,29% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá dầu thô và khí đốt tự nhiên bình quân 9 tháng tăng 44,84% so với cùng kỳ năm trước do giá thế giới tăng cao khi hoạt động sản xuất tại các quốc gia hồi phục, đặc biệt căng thẳng địa chính trị tại một số khu vực như Đông Âu, Trung Đông và xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina đã đẩy giá các mặt hàng năng lượng tăng cao. Chỉ số giá nhóm than cứng và than non 9 tháng tăng 8,55% so với cùng kỳ năm trước do chi phí đầu vào sản xuất than như giá xăng dầu tăng cao và chi phí nhân công tăng. Chỉ số giá nhóm quặng kim loại và tinh quặng kim loại 9 tháng tăng 19,57% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của giá thế giới và lo ngại thiếu hụt nguồn cung từ Ô-xtrây-li-a, đặc biệt Trung Quốc là quốc gia sản xuất thép lớn nhất thế giới thực hiện chính sách kiểm soát sản lượng kết hợp với kiểm soát ô nhiễm môi trường và chính sách zero Covid-19 đã tác động đẩy giá nhóm hàng này tăng cao.

2. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo quý III/2022 tăng 0,39% so với quý trước và tăng 3,86% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,05% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, một số mặt hàng có mức tăng giá khá cao như: Chỉ số giá than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 58,97% do chi phí đầu vào sản xuất tăng và nhu cầu sử dụng nhiên liệu, xăng dầu trên thế giới tăng mạnh khi các nước cơ bản kiểm soát được dịch Covid-19, đặc biệt chịu sự tác động xung đột quân sự Nga và Ucraina. Chỉ số giá sản phẩm kim loại tăng 12,23% do giá sản phẩm sắt, thép tăng theo giá thế giới và chi phí đầu vào sản xuất như xăng, dầu, than, chi phí nhân công tăng; nguồn cung sắt, thép toàn cầu giảm. Trong nước, Chính phủ triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, hoạt động xây dựng khởi sắc làm cho nhu cầu sắt, thép xây dựng trên thị trường tăng. Chỉ số giá hóa chất tăng 8,81% do giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất hóa chất như xăng dầu, dầu thông, tùng hương, nhựa thông... tăng cao và chi phí vận chuyển trong nước và thế giới tăng. Chỉ số giá thực phẩm chế biến tăng 8,22% do chi phí đầu vào sản xuất các loại thực phẩm chế biến như giá thức ăn chăn nuôi; dầu, mỡ động, thực

vật chế biến tăng; xung đột quân sự Nga và Ucraina đã tác động đến nguồn cung nguyên liệu sản xuất các mặt hàng thực phẩm chế biến, đồng thời chi phí vận chuyển tăng do giá xăng dầu tăng cao. Một số mặt hàng có mức giá giảm như chỉ số giá thuốc, hóa dược và dược liệu 9 tháng giảm 1,83% do dịch Covid-19 được kiểm soát, nhu cầu sử dụng các mặt hàng này giảm; chỉ số giá xe có động cơ, rơ moóc giảm 0,67%.

3. Chỉ số giá sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí

Chỉ số giá sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí quý III/2022 tăng 3,36% so với quý trước và tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,93% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào sản xuất điện như giá xăng, dầu, chi phí nhân công tăng. Bên cạnh đó, giá than tăng đã tác động làm giá điện tại các nhà máy nhiệt điện tăng lên.

4. Chỉ số giá sản xuất cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải

Chỉ số giá sản xuất cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải quý III/2022 tăng 0,25% so với quý trước và tăng 1,62% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá sản xuất cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,81% so với cùng kỳ năm trước, do chi phí đầu vào như xăng, dầu, chi phí nhân công phục vụ khai thác nước tăng.

III. CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT DỊCH VỤ

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý III/2022 tăng 1,28% so với quý trước và tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 3,34% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 8,01%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 5,06%; giáo dục và đào tạo tăng 1,36%; hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình tăng 2,25%; hoạt động dịch vụ khác tăng 2,82%.

1. Chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi

Chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi quý III/2022 tăng 2,8% so với quý trước và tăng 12,44% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới. Trong nước, bình quân quý III/2022 giá xăng dầu tăng 21,77% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, sau hơn 2 năm chịu tác động của dịch bệnh, hoạt động du lịch khởi động trở lại trùng với thời điểm bước vào mùa du lịch hè và nghỉ Lễ Quốc khánh 2/9 nên lượng khách du lịch nội địa tăng. Theo đó, nhóm dịch vụ vận tải hàng không quý III/2022 tăng cao nhất với 66,43% so với cùng kỳ năm trước; nhóm dịch vụ vận tải đường sắt tăng 10,99%; nhóm vận tải đường bộ và xe buýt tăng 10%.

Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 8,01% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giá xăng dầu tăng, trong đó: Chỉ số giá dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ tăng 7,34%, trong đó dịch vụ vận tải đường sắt tăng 8,03%; dịch vụ vận tải đường bộ và xe buýt tăng 7,23%. Chỉ số giá dịch vụ vận tải đường thủy tăng 10,54%, trong đó giá dịch vụ vận tải đường ven biển và viễn dương tăng 11,06% do giá xăng dầu tăng và chịu ảnh hưởng của việc thiếu hụt con-ten-nơ rỗng từ cuối năm 2020, đồng thời việc kiểm soát dịch Covid-19 ở Trung Quốc nghiêm ngặt khiến thời gian vận chuyển bị kéo dài làm tăng chi phí. Chỉ số giá dịch vụ vận tải đường hàng không tăng 32,57% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới, nhu cầu đi lại tăng cao đã khiến giá vận tải hàng không trở về mức giá trước khi có dịch. Chỉ số giá dịch vụ kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hỗ trợ vận tải tăng 0,85% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ bưu chính và chuyển phát tăng 1,5%.

2. Chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống

Chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống quý III/2022 tăng 1,22% so với quý trước và tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, dịch vụ lưu trú tăng 3,08% và tăng 9,63%; dịch vụ ăn uống tăng 0,92% và tăng 5,74%. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 5,06% so với năm 2021. Trong đó: Chỉ số giá dịch vụ lưu trú 9 tháng tăng 6,71% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 được kiểm soát tốt, nhu cầu du lịch của người dân tăng cao dịp hè và trong kỳ nghỉ Lễ 30/4-1/5, Quốc khánh 02/9, khiến nhiều khách sạn, khu nghỉ dưỡng kín phòng, đặc biệt tại các địa điểm du lịch nổi tiếng. Chỉ số giá dịch vụ ăn uống 9 tháng năm nay tăng 4,79% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do dịch Covid-19 được kiểm soát, hoạt động du lịch phục hồi rõ nét làm nhu cầu ăn uống ngoài gia đình tăng. Bên cạnh đó, giá xăng dầu cùng với giá nguyên liệu chế biến tăng đã làm tăng giá dịch vụ ăn uống.

3. Chỉ số giá dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội

Chỉ số giá dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội quý III/2022 tăng 0,06% so với quý trước và tăng 0,83% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội tăng 0,79% so với cùng kỳ năm 2021 do thực hiện lộ trình tăng giá các dịch vụ trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

4. Chỉ số giá dịch vụ giáo dục và đào tạo

Chỉ số giá dịch vụ giáo dục và đào tạo quý III/2022 tăng 2,13% so với quý trước do một số địa phương thực hiện tăng học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về việc quy định mức thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2022-2023 trở đi tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn. Cùng với đó, một số cơ

sở giáo dục ngoài công lập phải tự chủ về kinh phí điều chỉnh mức tăng học phí phù hợp với quy định. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá dịch vụ giáo dục và đào tạo quý III/2022 tăng 2,82%. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá dịch vụ giáo dục và đào tạo tăng 1,36% so với năm 2021.

5. Chỉ số giá hoạt động dịch vụ khác

Chỉ số giá hoạt động dịch vụ khác quý III/2022 tăng 0,77% so với quý trước và tăng 3,59% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do chi phí nhân công và phí sửa chữa, bảo dưỡng đồ dùng gia đình trong mùa hè tăng. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá hoạt động dịch vụ khác tăng 2,82% so với cùng kỳ năm 2021.

IV. CHỈ SỐ GIÁ NGUYÊN NHIÊN VẬT LIỆU DÙNG CHO SẢN XUẤT

Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất quý III/2022 tăng 0,91% so với quý trước và tăng 5,92% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,2% và tăng 10,85%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,96% và tăng 5,72%; dùng cho xây dựng tăng 0,36% và tăng 8,24%.

Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng 6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 10,29%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,76%; dùng cho xây dựng tăng 8,96%.

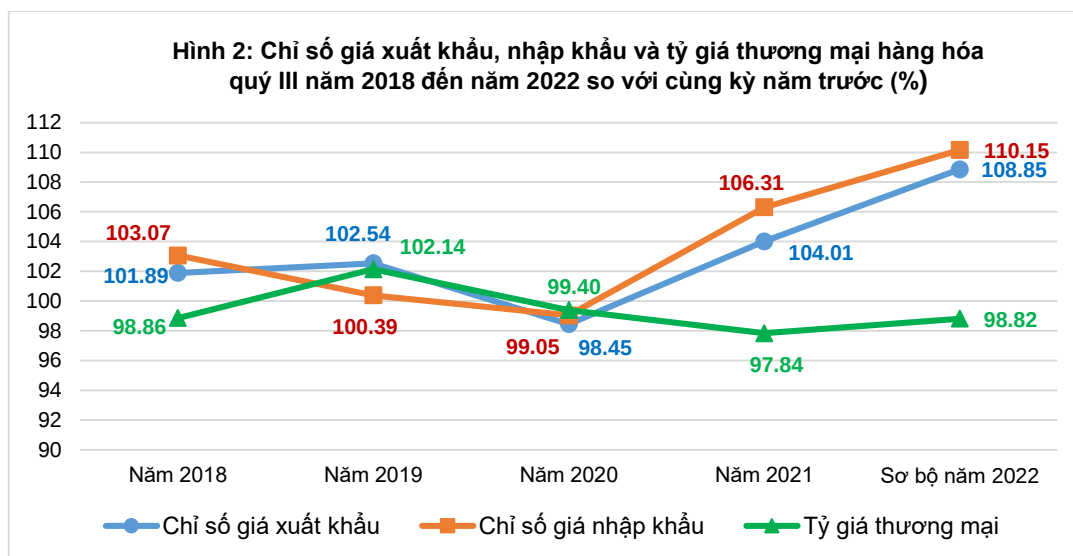
Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất 9 tháng năm 2022 tăng cao do các nhóm nguyên nhiên vật liệu thiết yếu trong sản xuất tăng. Cụ thể:

- Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, nhóm hoá chất cơ bản, phân bón và hợp chất nitơ, sản xuất plastic và cao su tổng hợp nguyên sinh tăng 29,86% so với cùng kỳ năm trước; sản phẩm chế biến từ dầu mỏ tăng 29,74%; thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản tăng 9,11%; sản phẩm cây hàng năm tăng 4,17% do nguồn cung giảm, chi phí vận chuyển tăng, trong khi nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng.

- Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo, nhóm sản phẩm nguyên liệu chế biến từ dầu mỏ tăng 31,82% so với cùng kỳ năm trước; dầu, mỡ động, thực vật chế biến tăng 11,56%; sản phẩm gang, sắt, thép tăng 10,1%.

- Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho xây dựng, nhóm sản phẩm nguyên liệu chế biến dầu mỏ (gồm: nhựa đường; nhựa; dầu diesel; dầu nhớt...) tăng 48,87% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước tăng 13,37%; sản phẩm gang, sắt, thép tăng 11,08%.

V. CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, TỶ GIÁ THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA



1. Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa quý III/2022 tăng 1,19% so với quý trước và tăng 8,85% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 0,9% và tăng 8,98%; nhóm nhiên liệu tăng 2,85% và tăng 70,12%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 1,17% và tăng 6,96%. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa tăng 8,31% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 9,29%; nhóm nhiên liệu tăng 67,54%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 6,35%.

Trong 9 tháng năm nay, 40 nhóm hàng xuất khẩu chính đều có chỉ số giá bình quân tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: giá xuất khẩu dầu thô tăng 69,08% và giá xăng dầu các loại tăng 73,21% do xăng A95 và dầu diesel xuất khẩu đi thị trường Xin-ga-po và Úc tăng mạnh vào tháng 7, tháng 8/2022. Đồng thời, giá xăng dầu thế giới vẫn duy trì ở mức cao so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu phân bón 9 tháng tăng 48,81% so với cùng kỳ năm trước do Nga là nước xuất khẩu phân bón đứng đầu thế giới tạm ngừng xuất khẩu, làm cho nguồn cung phân bón trên thế giới giảm, tạo áp lực tăng giá. Giá xuất khẩu sắt, thép 9 tháng tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu tiêu thụ thép của các nền kinh tế lớn tăng cao, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng và lắp ráp ô tô.

2. Chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa

Chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa quý III/2022 tăng 0,65% so với quý trước và tăng 10,15% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó: chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 0,76% và tăng 10,29%; nhóm nhiên liệu tăng 0,3% và tăng 37,49%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 0,67% và tăng 8,97%. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa tăng 10,86% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 10,82%; nhóm nhiên liệu tăng 42,2%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 9,53%.

Trong 42 nhóm hàng nhập khẩu chính, 38 nhóm hàng có chỉ số giá 9 tháng tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó: giá nhập khẩu xăng dầu tăng 47,65% theo giá xăng dầu thế giới. Giá nhập khẩu phân bón tăng 40,87% do nguồn cung phân bón đang khan hiếm và chi phí vận chuyển tăng cao. Nhập khẩu phân bón từ Nga gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với phân kali do Nga và Belarus chiếm gần 50% lượng kali cung cấp trên toàn thế giới. Nguồn cung Ure tại châu Âu khan hiếm khi nhiều nhà máy ngừng hoặc cắt giảm sản xuất do giá khí đốt tăng làm cho giá phân bón Ure tăng. Giá nhập khẩu sắt, thép tăng 32,3% do kinh tế thế giới đang trong giai đoạn phục hồi, nhu cầu cho sản xuất, xây dựng tăng cao. Trung Quốc áp đặt biện pháp kiểm soát sản lượng nghiêm ngặt và giảm dần sản lượng xuất khẩu cùng chính sách zezo Covid-19 khiến nguồn cung sắt, thép toàn cầu sụt giảm. Giá nhập khẩu lúa mì tăng 28,67% do giá mặt hàng này ở Ca-na-đa và Ô-xtrây-li-a tăng cao, đồng thời ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm nguồn cung giảm. Ở chiều ngược lại, có 4 nhóm hàng có chỉ số giá nhập khẩu 9 tháng giảm so với cùng kỳ năm trước, bao gồm giá nhập khẩu xe máy, linh kiện và phụ tùng giảm 7,34%; giá nhập khẩu nguyên phụ liệu thuốc lá giảm 0,66%; giá nhập khẩu sản phẩm từ cao su giảm 0,4%; linh kiện phụ tùng ô tô giảm 0,06%.

3. Tỷ giá thương mại hàng hóa

Tỷ giá thương mại hàng hóa (TOT)⁵ quý III/2022 tăng 0,53% so với quý trước và giảm 1,18% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó sắt, thép giảm 8,89% và giảm 14,17%; hàng rau quả tăng 2,29% và giảm 1,14%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 1,75% và giảm 3,09%; cao su giảm 1,63% và giảm 3,39%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 0,79% và tăng 7,22%; hàng thủy sản tăng 0,14% và tăng 5,67%; xăng dầu các loại tăng 7,91% và tăng 28,28%.

Tính chung 9 tháng năm 2022, TOT giảm 2,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sắt, thép giảm 12,93%; gỗ và sản phẩm gỗ giảm 5,68%; cao su giảm 3,63%; hàng rau quả giảm 2,63%; xăng dầu các loại tăng 17,31%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 6,15%; hàng thủy sản tăng 4,55%.

TOT 9 tháng năm 2022 giảm so với cùng kỳ năm trước do chỉ số giá xuất khẩu có mức tăng thấp hơn mức tăng của chỉ số giá nhập khẩu, phản ánh Việt Nam đang ở vị trí không thuận lợi khi giá hàng nhập khẩu có lợi thế hơn so với giá hàng xuất khẩu.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

⁵ Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa so với chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa.